

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2021/DS-ST
Ngày: 08 – 9 - 2021
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Phi;
2. Bà Nguyễn Thị Thông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Yên – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 590/2020/TLST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2021/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2021/QĐST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2021/QĐST-DS ngày 21 tháng 7 năm 2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số 01/2021/TB-TA ngày 23 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng chính sách xã hội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Địa chỉ: 169 phố L, phường H, quận H, Thành phố Hà Nội.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Đăng K – Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện D. Địa chỉ: Số 05, đường L, khu phố 4B, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương (theo Quyết định số 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019 của Ngân hàng Chính sách xã hội).

- Bị đơn: 1. Bà Nguyễn Thị Ánh H, sinh năm 1972; ngụ tại: Số 10/26B, khu phố 2, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương.

2. Ông Lê Văn H2, sinh năm 1970; ngụ tại: Số 10/26B, khu phố 2, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương; chỗ ở hiện nay: Khu phố 7, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Chị Lê Nguyễn Nha T, sinh năm 1995; ngụ tại: Khu phố 2, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn có mặt; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện ngày 30/11/2020, đơn xin rút một phần nội dung khởi kiện ngày 05/5/2021, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn ông Trần Đăng K trình bày:*

Ngân hàng chính sách xã hội có ký các hợp đồng tín dụng cho bị đơn vay tiền như sau:

1. Ngày 09/10/2013 bà Nguyễn Thị Ánh H và ông Lê Văn H1 làm giấy đề nghị vay vốn chương trình Học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn đề T trả chi phí học tập cho bà Lê Nguyễn Nha T được Tổ tiết kiệm và vay vốn khu phố 2, thị trấn D bình xét và lập danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) trình Ủy ban nhân dân thị trấn D phê duyệt.

Căn cứ vào danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn NHCSXH được Ủy ban nhân dân thị trấn D phê duyệt. Ngày 24/10/2013 Phòng giao dịch NHCSXH huyện D giải ngân cho hộ bà Nguyễn Thị Ánh H và ông Lê Văn H1 số tiền là 11.000.000 đồng và ngày 29/09/2014 Phòng giao dịch NHCSXH huyện D tiếp tục giải ngân lần 2 cho hộ bà Nguyễn Thị Ánh H và ông Lê Văn H1 số tiền là 11.000.000 đồng chương trình Học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn để T trả chi phí học tập cho bà Lê Nguyễn Nha T mã món vay 6000004900039402, tổng số tiền hai lần giải ngân là 22.000.000 đồng (*Hai mươi hai triệu đồng*), thời gian cho vay 84 tháng, lãi suất 0,65%/tháng.

2. Ngày 30/08/2015 bà Nguyễn Thị Ánh H và ông Lê Văn H1 làm giấy đề nghị vay vốn chương trình Hộ cận nghèo để chăm sóc cao su được Tổ tiết kiệm và vay vốn khu phố 2, thị trấn D bình xét và lập danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn NHCSXH trình Ủy ban nhân dân thị trấn D phê duyệt.

Căn cứ vào danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn NHCSXH được Ủy ban nhân dân thị trấn D phê duyệt. Ngày 07/09/2015 Phòng giao dịch NHCSXH huyện D giải ngân cho hộ bà Nguyễn Thị Ánh H và ông Lê Văn H1 vay Chương trình Hộ cận nghèo để chăm sóc cao su. Mã món vay 6600000705443159, số tiền: 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*), thời gian cho vay 36 tháng, lãi suất 0,66%/tháng.

Tài sản bảo đảm tiền vay của hai khoản vay trên là cho vay không có bảo đảm bằng tài sản (cho vay ủy thác qua Hội liên hiệp Phụ nữ thị trấn D).

3. Đối với khoản vay Học sinh sinh viên mặc dù chưa tới hạn thực hiện hợp đồng nhưng hộ vay không thực hiện đóng lãi theo quy định của Ngân hàng.

4. Đối với khoản vay Hộ cận nghèo đến hết thời hạn trả nợ, bà Nguyễn Thị Ánh H và ông Lê Văn H1 không thực hiện trả nợ. Ngày 10/08/2018 Phòng giao dịch NHCSXH huyện D đã chuyển số tiền 30.000.000 đồng sang nợ quá hạn, đến nay món vay 6600000705443159 đã quá hạn 03 năm 01 tháng.

5. Tính đến ngày 30/11/2021 tổng số tiền bà Nguyễn Thị Ánh H và ông Lê Văn H1 phải thanh toán là 67.856.769 đồng (*Sáu mươi bảy triệu, tám trăm năm mươi sáu ngàn, bảy trăm sáu mươi chín đồng*), cụ thể như sau:

- Đối với khoản vay chương trình Học sinh sinh viên là 28.942.092 đồng, gồm 22.000.000 đồng tiền nợ gốc và 6.942.092 đồng tiền lãi.
- Đối với khoản vay Hộ cận nghèo là 38.914.677 đồng, gồm 30.000.000 đồng tiền nợ gốc và 8.914.677 đồng tiền lãi.

Bà Nguyễn Thị Ánh H và ông Lê Văn H1 đã vi phạm hợp đồng tín dụng không thực hiện trả nợ gốc và lãi đúng hạn. Để bảo toàn nguồn vốn cho nhà nước, kính đề nghị Tòa án nhân dân huyện D buộc bà Nguyễn Thị Ánh H và ông Lê Văn H1 phải trả nợ cho NHCSXH số tiền 67.856.769 đồng và tiền lãi phát sinh từ sau ngày 30/11/2020.

Ngày 05/5/2021, ông K có đơn về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện, ông K không yêu cầu bị đơn ông H1 phải liên đới cùng bà H thanh toán tiền nợ đối với hai khoản vay trên.

Tại phiên tòa, ông K xin rút yêu cầu chị T phải liên đới cùng bà H thanh toán số tiền nợ chương trình Học sinh sinh viên.

Ông K yêu cầu bị đơn bà H có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng chính sách xã hội – Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện D số tiền là 71.516.026 đồng (*bảy mươi một triệu năm trăm mười sáu ngàn không trăm hai mươi sáu đồng*) tính đến ngày xét xử sơ thẩm 08/9/2021, cụ thể như sau:

- Đối với khoản vay chương trình Học sinh sinh viên là 30.216.888 đồng, gồm 22.000.000 đồng tiền nợ gốc và 8.216.888 đồng tiền lãi.
- Đối với khoản vay Hộ cận nghèo là 41.299.138 đồng, gồm 30.000.000 đồng và 11.299.138 đồng.

Ngoài ra, ông K không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Ánh H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Nguyễn Nha T:

Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án nhân dân huyện D đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để bà H, chị T tham gia giải quyết vụ án nhưng bà H, chị T vắng mặt không có lý do. Qua xác minh chính quyền địa phương thị trấn D xác định bà H, chị T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu phố 2, thị trấn D, có vay nợ của Ngân hàng chính sách xã hội,

có nhà ở địa phương nhưng do nợ nần đã bỏ địa phương đi để trốn tránh nghĩa vụ trả nợ.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D có ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền thụ lý vụ án; Điều 68 về xác định tư cách tham gia tố tụng; các Điều 93 đến 97 về việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ; Điều 195, 196 về trình tự thụ lý và giao thông báo thụ lý; Điều 203 về thời hạn xét xử. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã vi phạm các quy định tại các Điều 70, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung thủ tục tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại các Điều 471, 474, 476 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 91 Luật tổ chức tín dụng; Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của các tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; Quyết định số 157/2007/QĐ-TTG ngày 27/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ quyết định về tín dụng đối với học sinh, sinh viên; Quyết định số 15/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quyết định về tín dụng đối với hộ cận nghèo để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn bà H.

Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn rút yêu cầu ông H1, bà T liên đới với bà H thanh toán nợ. Việc rút yêu cầu là tự nguyện, căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện.

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Các bên đương sự tranh chấp hợp đồng dân sự (tín dụng) theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về thẩm quyền giải quyết: Kết quả xác minh bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bỏ đi khỏi địa phương để trốn tránh nghĩa vụ trả nợ, bị đơn vẫn còn hộ khẩu thường trú tại khu phố 2, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án

thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng để bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia giải quyết vụ án nhưng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Các chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp gồm Giấy đề nghị vay vốn chương trình Học sinh sinh viên và chương trình Hộ cận nghèo; Sổ lưu từ rời theo dõi cho vay – thu nợ - dư nợ của hai khoản vay; Sổ vay vốn dành cho hộ gia đình; Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn của hai khoản vay; Giấy xác nhận học sinh sinh viên ngày 25/9/2013 và ngày 15/9/2014 (bản photo); Giấy xin xác nhận đối tượng vay vốn ngày 29/9/2014.

Đối với hợp đồng tín dụng theo chương trình Học sinh sinh viên có mã vay 6000004900039402: Ngày 24/10/2013, Phòng giao dịch NHCSXH huyện D giải ngân cho hộ bà Nguyễn Thị Ánh H và ông Lê Văn H1 số tiền là 11.000.000 đồng và ngày 29/09/2014 Phòng giao dịch NHCSXH huyện D tiếp tục giải ngân lần 2 cho hộ bà Nguyễn Thị Ánh H và ông Lê Văn H1 số tiền là 11.000.000 đồng chương trình Học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn để T trả chi phí học tập cho chị Lê Nguyễn Nha T với mã món vay 6000004900039402, tổng số tiền hai lần giải ngân là 22.000.000 đồng (*Hai mươi hai triệu đồng*), thời gian cho vay 84 tháng, lãi suất 0,65%/tháng.

Đối với hợp đồng tín dụng theo Chương trình Hộ cận nghèo để chăm sóc cao su, mã món vay 6600000705443159 thể hiện: Ngày 07/09/2015, Phòng giao dịch NHCSXH huyện D giải ngân cho hộ bà Nguyễn Thị Ánh H và ông Lê Văn H1 vay Chương trình Hộ cận nghèo để chăm sóc cao su, mã món vay 6600000705443159, số tiền: 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*), thời gian cho vay 36 tháng, lãi suất 0,66%/tháng.

Cả hai món vay này của bị đơn đều được giải ngân trên cơ sở đề nghị vay vốn của bị đơn đã được Ủy ban nhân dân thị trấn D phê duyệt. Nguyên đơn đã thực hiện đúng thủ tục và điều kiện cho vay theo quy định tại Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ quyết định về tín dụng đối với học sinh, sinh viên và Quyết định số 15/2013/QĐ-TTg ngày 23/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ quyết định về tín dụng đối với hộ cận nghèo. Lãi suất cho vay là phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010 và Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của các tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng. Bị đơn có ký kết hai

hợp đồng tín dụng với Phòng giao dịch NHCSXH huyện D để vay tổng số tiền 52.000.000 là có thật.

[2.2] Xét về nghĩa vụ và thời hạn thanh toán: Đối với khoản vay theo chương trình Học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn với mã món vay 6000004900039402. Đối với khoản vay 11.000.000 đồng giải ngân ngày 24/10/2013 thì hạn trả nợ cuối cùng là ngày 25/10/2020, tính đến ngày xét xử sơ thẩm (08/9/2021) là 94 tháng 16 ngày. Đối với khoản vay 11.000.000 đồng giải ngân ngày 24/10/2014 thì hạn trả nợ cuối cùng là ngày 25/10/2021, tính đến ngày xét xử sơ thẩm (08/9/2021) là 82 tháng 16 ngày, mặc dù chưa tới hạn thực hiện hợp đồng nhưng hộ vay không thực hiện đóng lãi và thanh toán định kỳ trả nợ gốc là 06 tháng/lần, mỗi lần 5.500.000 đồng theo quy định của Ngân hàng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu thanh toán trước thời hạn là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với khoản vay theo Chương trình Hộ cận nghèo để chăm sóc cao su, mã món vay 6600000705443159. Định kỳ trả nợ gốc là 12 tháng/lần, mỗi lần 10.000.000 đồng. Hạn trả nợ khoản vay này là ngày 10/8/2018 và kể từ ngày 10/8/2018 đến nay Phòng giao dịch NHCSXH huyện D đã chuyển số tiền 30.000.000 đồng sang nợ quá hạn.

Như vậy, theo quy định tại Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005 thì bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ đối với hai khoản vay trên.

[2.3] Kết quả xác minh xác định, bị đơn đã bỏ đi khỏi địa phương để trốn tránh nghĩa vụ trả nợ, bị đơn không thực hiện việc thanh toán nợ gốc và đóng tiền lãi theo quy định cho Ngân hàng chính sách xã hội. Hành vi của bị đơn đã vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn bà H thanh toán tổng số tiền đến khi xét xử sơ thẩm là 71.516.026 đồng (*bảy mươi mốt triệu năm trăm mười sáu ngàn không trăm hai mươi sáu đồng*) là phù hợp với quy định tại Điều 3 Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ quyết định về tín dụng đối với học sinh, sinh viên và Quyết định số 15/2013/QĐ-TTg ngày 23/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ quyết định về tín dụng đối với hộ cận nghèo nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, hai bên đã thỏa thuận lãi suất trong hạn và quá hạn cho từng khoản vay. Do bị đơn vi phạm hợp đồng nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn còn phải tiếp tục chịu tiền lãi theo hợp đồng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong các khoản vay cho nguyên đơn là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu rút một phần khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 05/5/2021, đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin rút một phần nội dung khởi kiện đối với việc không yêu cầu ông Lê Văn H1 liên đới trả nợ với bà H. Tại phiên tòa, ông K xin rút yêu cầu chị T có trách nhiệm liên đới thanh toán nợ với bà H về khoản vay Học sinh sinh viên. Việc ông K tự nguyện rút yêu cầu đối với ông H1, chị T là tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 5, Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Quan điểm về nội dung vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 217, 227, 228, 244, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 471, 474, 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 11, Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng chính sách xã hội đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Ánh H về việc “tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Buộc bà Nguyễn Thị Ánh H thanh toán cho Ngân hàng chính sách xã hội – Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện D số tiền 71.516.026 đồng (*bảy mươi một triệu năm trăm mười sáu ngàn không trăm hai mươi sáu đồng*), bao gồm: 52.000.000 đồng (năm mươi hai triệu đồng) tiền nợ gốc và 19.516.026 đồng (mười chín triệu năm trăm mười sáu ngàn không trăm hai mươi sáu đồng) tiền lãi tính đến ngày 08/9/2021.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 08/9/2021), bà Nguyễn Thị Ánh H còn phải chịu tiền lãi của số tiền vay gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hai hợp đồng tín dụng đã ký kết với mã món vay 6000004900039402 và 6600000705443159) cho đến khi thanh toán xong số tiền vay gốc.

2. Đình chỉ yêu cầu của Ngân hàng chính sách xã hội đối với việc yêu cầu ông Lê Văn H1 và chị Lê Nguyễn Nha T cùng bà Nguyễn Thị Ánh H liên đới thanh toán nợ.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Ánh H phải chịu 3.575.801 đồng (đồng).

Ngân hàng chính sách xã hội thuộc trường hợp không phải chịu án phí theo quy định.

4. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (08/9/2021).

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện D;
- CC THADS huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoàng